

NỘI DUNG ÔN TẬP KIỂM TRA GIỮA HKI - MÔN NGỮ VĂN

NĂM HỌC: 2021 – 2022

THỜI GIAN: 60 PHÚT

KHỐI	10	11	12
I. ĐỌC – HIỂU (4,0 điểm)	Đọc – hiểu một văn bản ngoài SGK		
II. NGHỊ LUẬN XH, VH (6,0 điểm)	* Dạng bài văn ngắn: Kể chuyện sáng tạo (chi tiết, kết) <i>Chiến thắng Mtao Mxây (trích), Tấm Cám, Truyện An Dương Vương và Mị Châu – Trọng Thủy.</i>	* Dạng bài: Viết đoạn văn NLXH (200-300 chữ)	* Dạng bài: Viết đoạn văn NLXH (200-300 chữ)

MA TRẬN MÔN VĂN GIỮA KỲ I KHỐI 10. NĂM HỌC: 2021-2022

STT	NỘI DUNG KIẾN THỨC	ĐƠN VỊ KIẾN THỨC	CÂU HỎI THEO MỨC ĐỘ NHẬN THỨC								Tổng số câu hỏi	% Tổng điểm
			NHẬN BIẾT		THÔNG HIỂU		VẬN DỤNG		VẬN DỤNG CAO			
			Tỉ lệ	Thời gian	Tỉ lệ	Thời gian	Tỉ lệ	Thời gian	Tỉ lệ	Thời gian		
1	ĐỌC HIỂU	- Kiến thức tiếng Việt. - Kiến thức Văn học. - Nắm bắt thông tin.	10%	5	20%	10	10%	10	0	0	4	40%
2	LÀM VĂN	Kể chuyện sáng tạo (chi tiết, kết)	20%	5	10%	5	20%	15	10%	10	1	60%
Tổng			30	10	30	15	30	25	10	10	5	100
Tỉ lệ %			30		30		30		10			100
Tỉ lệ chung			60				40					100

MA TRẬN MÔN VĂN KỲ I KHỐI 11. NĂM HỌC: 2020-2021

STT	NỘI DUNG KIẾN THỨC	ĐƠN VỊ KIẾN THỨC	CÂU HỎI THEO MỨC ĐỘ NHẬN THỨC								Tổng số câu hỏi	% Tổng điểm
			NHẬN BIẾT		THÔNG HIỂU		VẬN DỤNG		VẬN DỤNG CAO			
			Tỉ lệ	Thời gian	Tỉ lệ	Thời gian	Tỉ lệ	Thời gian	Tỉ lệ	Thời gian		
1	ĐỌC HIỂU	- Kiến thức tiếng Việt. - Kiến thức Văn học. - Nắm bắt thông tin.	10%	5	20%	10	10%	10	0	0	04	40%
2	LÀM VĂN	Viết đoạn văn nghị luận xã hội	20%	5	10%	5	20%	15	10%	10	01	60%
Tổng			30	10	30	15	30	25	10	10	05	100
Tỉ lệ %			30		30		30		10			100
Tỉ lệ chung			60				40					100

MA TRẬN MÔN VĂN GIỮA KỲ I KHỐI 12. NĂM HỌC: 2020-2021

STT	NỘI DUNG KIẾN THỨC	ĐƠN VỊ KIẾN THỨC	CÂU HỎI THEO MỨC ĐỘ NHẬN THỨC								Tổng		% Tổng điểm
			NHẬN BIẾT		THÔNG HIỂU		VẬN DỤNG		VẬN DỤNG CAO				
			Tỉ lệ	Thời gian	Tỉ lệ	Thời gian	Tỉ lệ	Thời gian	Tỉ lệ	Thời gian	Số câu hỏi	Thời gian	
1	ĐỌC HIỂU	-Kiến thức tiếng Việt. - Kiến thức Văn học. - Nắm bắt thông tin.	5%	5	25%	15	10%	5	0	0	04	25	40%
2	LÀM VĂN	Viết đoạn văn nghị luận xã hội.	20%	5	10%	5	20%	15	10%	10	01	35	60%
Tổng			25	10	35	15	30	25	10	10	05	60	100
Tỉ lệ %			25		35		30		10				100
Tỉ lệ chung			60				40						100

---HẾT---

